

Lưu 2, 11/9/26

Văn bản gửi đăng Công báo

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 14/2026/QH16

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 09 LUẬT VỀ QUÂN SỰ, QUỐC PHÒNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 09 luật về quân sự, quốc phòng tại Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 18/2023/QH15, Luật số 38/2024/QH15 và Luật số 98/2025/QH15, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13, Luật số 48/2019/QH14, Luật số 52/2024/QH15 và Luật số 98/2025/QH15, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 98/2025/QH15, Luật Nghĩa vụ quân sự số 78/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 48/2019/QH14 và Luật số 98/2025/QH15, Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 98/2025/QH15, Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 98/2025/QH15 và Luật số 130/2025/QH15, Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 98/2025/QH15, Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 98/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 145/2025/QH15, Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 98/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 của Luật Quốc phòng

“1. Khu vực phòng thủ là bộ phận hợp thành phòng thủ quân khu, bao gồm các hoạt động về chính trị, tinh thần, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, quân sự, an ninh, đối ngoại; được tổ chức theo địa bàn cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, lấy xây dựng cấp xã làm nền tảng để bảo vệ địa phương.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung các điểm của khoản 1 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm g, h, i và k như sau:

“g) Tư lệnh, Chính ủy: Binh chủng, Vùng Hải quân; Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

h) Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy: Bình chủng, Vùng Hải quân; Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

i) Sư đoàn trưởng, Chính ủy Sư đoàn;

k) Phó Sư đoàn trưởng, Phó Chính ủy Sư đoàn;

Lữ đoàn trưởng, Chính ủy Lữ đoàn;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm n và điểm o như sau:

“n) Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên Tiểu đoàn; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cấp xã;

o) Phó Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên phó Tiểu đoàn; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã;”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Tuổi phục vụ của sĩ quan dự bị

Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan dự bị quy định như sau:

1. Cấp Úy: 53;

2. Thiếu tá: 55;

3. Trung tá: 57;

4. Thượng tá: 59;

5. Đại tá: 61;

6. Cấp Tướng: 63.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 41 như sau:

“3. Căn cứ vào nhu cầu biên chế, tiêu chuẩn chức vụ của sĩ quan, kết quả học tập quân sự và thành tích phục vụ quốc phòng, sĩ quan dự bị được bổ nhiệm chức vụ trong các đơn vị dự bị động viên, được thăng cấp bậc quân hàm tương xứng với chức vụ đảm nhiệm;”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Giải ngạch quân nhân chuyên nghiệp dự bị

Quân nhân chuyên nghiệp dự bị hết hạn tuổi quy định tại Điều 23 của Luật này hoặc không còn đủ sức khỏe phục vụ trong ngạch dự bị thì được giải ngạch theo quyết định của Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh.”.

2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 34 như sau:

“d) Hết hạn tuổi phục vụ cao nhất quy định tại Điều 31 của Luật này và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên thì được nghỉ hưu.”.

3. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 Điều 34 như sau:

“d) Hết hạn tuổi phục vụ cao nhất quy định tại Điều 31 của Luật này mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 3 như sau:

“8. Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự là hành vi không chấp hành quyết định gọi đăng ký nghĩa vụ quân sự; quyết định gọi sơ tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự; quyết định gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; quyết định gọi nhập ngũ; quyết định, lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Gian dối trong đăng ký nghĩa vụ quân sự; sơ tuyển nghĩa vụ quân sự; khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Giải ngạch dự bị

Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hết độ tuổi hoặc không còn đủ sức khỏe phục vụ trong ngạch dự bị thì được giải ngạch theo quyết định của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức giao công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cho các đơn vị nhận quân; việc tổ chức lễ giao nhận quân do Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39 như sau:

“3. Tổ chức cho công dân thực hiện quyết định gọi sơ tuyển sức khỏe, quyết định gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, quyết định gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; quyết định, lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, quyết định kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.”.

6. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4 Điều 44 như sau:

“2. Chỉ huy đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên quyết định xuất ngũ đối với từng hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền; tổ chức lễ tiễn hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ và bàn giao cho Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh đã giao quân.

3. Thời gian xuất ngũ phải được thông báo trước 30 ngày cho hạ sĩ quan, binh sĩ và Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi giao quân hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập trước khi nhập ngũ.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức phải tổ chức tiếp nhận hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

“Điều 49. Chế độ chính sách của công dân trong thời gian đăng ký nghĩa vụ quân sự, sơ tuyển, khám và kiểm tra sức khỏe

1. Công dân đang làm việc tại cơ quan, tổ chức trong thời gian thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự, sơ tuyển, khám và kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự thì được trả nguyên lương, các khoản phụ cấp hiện hưởng, tiền tàu xe đi và về.

2. Trong thời gian công dân đến đăng ký nghĩa vụ quân sự, sơ tuyển, khám và kiểm tra sức khỏe được bảo đảm chế độ ăn, ở, tiền tàu xe đi và về.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Biên phòng Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân trong nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp xã biên giới, phòng thủ dân sự; phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 14 như sau:

“9. Tham mưu, làm nòng cốt trong xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân ở khu vực biên giới; tham gia xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp xã biên giới, phòng thủ dân sự.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng không nhân dân

1. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 11.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 Điều 13 như sau:

“a) Lực lượng phòng không cấp tỉnh gồm bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ phòng không, quân nhân dự bị chuyên ngành phòng không và lực lượng phòng không kiêm nhiệm của Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ đội Biên phòng, lực lượng phương tiện không người lái được tổ chức thành các đại đội, trung đội, khẩu đội phòng không, trung đội phương tiện không người lái; các đài, vọng quan sát phòng không, các tổ bắn mục tiêu bay thấp và tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

b) Lực lượng phòng không cấp xã gồm lực lượng phòng không kiêm nhiệm thuộc Ban chỉ huy quân sự cấp xã và lực lượng do dân quân đảm nhiệm được tổ chức thành trung đội súng máy phòng không, các tổ bắn mục tiêu bay thấp và tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 16 như sau:

“a) Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý lực lượng rộng rãi cư trú tại địa phương;”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 như sau:

“3. Việc xây dựng công trình phòng không nhân dân chuyên dụng phải theo quy hoạch, kế hoạch, gắn với thể trận phòng thủ của cấp tỉnh, cấp xã; bảo đảm kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với thể trận phòng không nhân dân.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 33 như sau:

“đ) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Chỉ huy đơn vị Bộ đội Biên phòng ở khu vực biên giới đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi địa bàn quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an hoạt động ngoài khu vực, mục tiêu do quân đội quản lý;”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 34 như sau:

“b) Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn quản lý;”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lực lượng dự bị động viên

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã lập kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của địa phương.”.

2. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 10 như sau:

“8. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của Ủy ban nhân dân cấp xã.”.

3. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số khoản của Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân cư trú tại địa phương; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức trên địa bàn.

Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân đang lao

động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị tại nơi cư trú.”;

b) Bãi bỏ khoản 3.

4. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức sinh hoạt cho quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ tiểu đội trưởng và tương đương trở lên và quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.”;

b) Bãi bỏ khoản 2.

5. Sửa đổi, bổ sung các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 27 như sau:

“c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo quyết định huy động lực lượng dự bị động viên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, các đoàn thể có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh thông báo lệnh huy động đơn vị dự bị động viên, lệnh gọi quân nhân chuyên nghiệp dự bị nhập ngũ của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh và quyết định gọi sĩ quan dự bị nhập ngũ của cấp có thẩm quyền đến Ban chỉ huy quân sự cấp xã;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến từng chủ phương tiện kỹ thuật dự bị; Ban chỉ huy quân sự cấp xã thông báo quyết định gọi sĩ quan dự bị nhập ngũ của cấp có thẩm quyền, lệnh gọi quân nhân chuyên nghiệp dự bị nhập ngũ của cấp trên, lệnh gọi hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị nhập ngũ của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã đến cơ quan, tổ chức có liên quan và từng quân nhân dự bị;

đ) Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chuyển quyết định gọi sĩ quan dự bị nhập ngũ và lệnh gọi quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị nhập ngũ đến từng quân nhân dự bị thuộc quyền quản lý.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 28 như sau:

“3. Địa điểm tập trung lực lượng dự bị động viên do Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh xác định. Địa điểm tiếp nhận lực lượng dự bị động viên do đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân xác định.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 của Luật Phòng thủ dân sự

“4. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương được thành lập ở cấp xã và cấp tỉnh, có chức năng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự trên địa bàn quản lý. Cơ quan quân sự các cấp là cơ quan thường trực của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cùng

cấp. Thành viên Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Ban chỉ huy trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công.

Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu cho Cơ quan thường trực Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh chỉ đạo, điều hành hoạt động phòng thủ dân sự trên địa bàn.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dân quân tự vệ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Ban chỉ huy quân sự cấp xã

1. Ban chỉ huy quân sự cấp xã là cơ quan quân sự địa phương trực thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh; là cơ quan thường trực công tác quốc phòng ở cấp xã; có con dấu, tài khoản, trụ sở riêng.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, tổ chức, biên chế của Ban chỉ huy quân sự cấp xã; mẫu con dấu, tổ chức khắc dấu, đăng ký, quản lý, sử dụng con dấu của Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức và hoạt động của Ban chỉ huy quân sự cấp xã từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; ngân sách địa phương bảo đảm nguồn kinh phí xây dựng trụ sở làm việc, thao trường, bãi tập; ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí thực hiện cho các địa phương có khó khăn về ngân sách.”.

2. Bổ sung Điều 20a sau Điều 20 như sau:

“Điều 20a. Thôn đội trưởng

“Thôn đội trưởng có nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chỉ bộ thôn lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở thôn; quản lý, chỉ huy trực tiếp dân quân thuộc quyền; phối hợp thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.”.

3. Bỏ cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp xã,” tại tên Điều, đoạn mở đầu khoản 1, điểm e khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 22.

4. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 23.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Trang phục, sao mũ, phù hiệu của Dân quân tự vệ

Các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, Dân quân tự vệ được cấp phát, sử dụng trang phục, sao mũ, phù hiệu theo quy định của Chính phủ.”.

6. Bỏ cụm từ “Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã,” tại tên Chương III.

7. Bãi bỏ Điều 26.

8. Bỏ cụm từ “thuộc quyền” tại điểm g khoản 1 Điều 32.

9. Bãi bỏ khoản 4 Điều 33.

10. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 1 Điều 35 như sau:

“1. Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ hoặc đang là học viên bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại nhà trường, đơn vị Quân đội nhân dân thì được hưởng chế độ, chính sách sau đây:”.

11. Bãi bỏ khoản 5 Điều 37.

12. Bỏ cụm từ “; trang thiết bị phòng học chuyên dùng tại các nhà trường quân đội phục vụ đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã” tại khoản 9 Điều 37.

13. Bỏ cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp xã,” tại khoản 6 Điều 38.

14. Bỏ cụm từ “đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở;” tại khoản 3 Điều 41.

15. Bỏ cụm từ “Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo” tại khoản 2; bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 43.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Việc đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở đang thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 98/2025/QH15 tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành chương trình đào tạo. *ln*

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2026.

